

KINH TẾ TIỀN TỆ NGÂN HÀNG

ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Sự vận động của hệ thống tài chính (cụ thể là hệ thống ngân hàng) để tìm ra các căn cứ hoạch định chính sách tài chính của chính phủ.

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I/ TIỀN TỆ

1. Khái niệm

Tiền là một loại hàng hóa đặc biệt đóng vai trò là vật ngang giá chung, là tất cả những phương tiện được thừa nhận trong thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

Tiền ≠ Đồng tiền (vì đồng tiền chỉ là những tờ giấy hoặc những tiền kim loại cụ thể)

2. Chức năng của tiền:

- 1- *Phương tiện trao đổi*: tiền được sử dụng vào việc mua bán hàng hóa, dịch vụ.
- 2- *Phương tiện kế toán*: tiền được dùng để đo giá trị hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế, biểu thị giá cả. Như vậy, các hiện vật khác nhau có thước đo chung là tiền, tiền là cơ sở hình thành hoạt động kế toán.
- 3- *Phương tiện dự trữ giá trị*: chức năng này được thể hiện khi người ta có thu nhập nhưng chưa sử dụng ngay để trao đổi hàng hóa, dịch vụ.

3. Hệ thống tiền tệ:

- 1- *Hóa tệ*:
 - + Là hàng hóa giữ vai trò là vật trung gian lao động, được thừa nhận là phương tiện thanh toán
 - + Hóa tệ gồm: hóa tệ không kim loại (vật ngang giá chung được sử dụng ở từng địa phương khác nhau); hóa tệ kim loại (vàng, bạc,...)
- 2- *Tín tệ*:
 - + Là tiền không có giá trị thực mà giá trị của nó là do xã hội quy ước.
 - + Tín tệ gồm: tiền bằng kim loại (khác với tiền kim loại ở chỗ giá trị của nó không phù hợp với giá trị danh nghĩa); tiền giấy.
- 3- *Bút tệ*: là tiền gửi ở ngân hàng, được sử dụng bằng phương tiện khác như séc, lệnh chuyển tiền, thẻ tín dụng,...
- 4- *Tiền điện tử*: là hệ thống mà trong đó mọi thanh toán được thực hiện nhờ hệ thống máy tính điện tử.

4. Cung tiền

- *Khái niệm*: Cung tiền là đại lượng cho biết số lượng tiền thực tế được cung cho nền kinh tế ở một thời điểm và trong các điều kiện nhất định

(Hay cung tiền là toàn bộ quỹ tiền tồn tại trong nền kinh tế, gồm tiền trong lưu thông, trong dự trữ ngân hàng và dân chúng)

- Các thành phần của cung tiền: (tính thanh khoản giảm dần)

+ M_0 (cơ sở tiền – tiền cơ sở - H): là lượng tiền mặt do Ngân hàng trung ương phát hành (có thể nằm trong dự trữ của các ngân hàng hoặc trong dân cư)

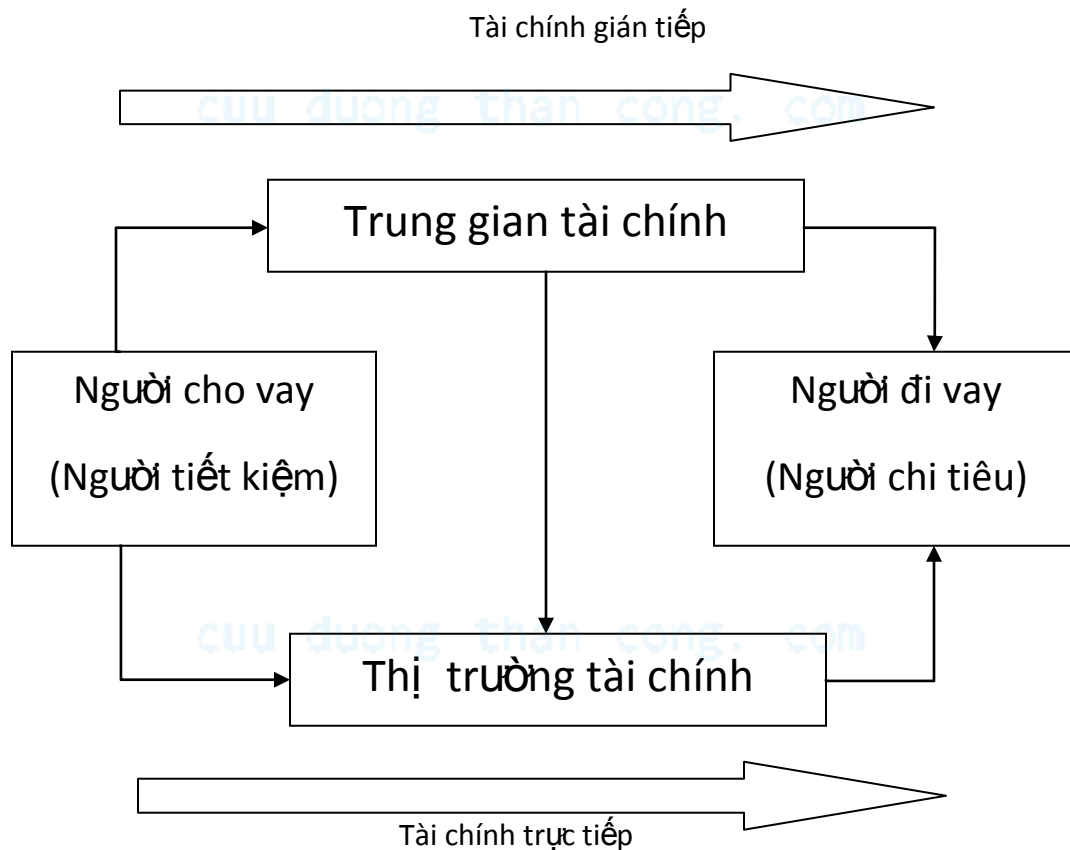
+ M_1 (tiền giao dịch): gồm tiền mặt M_0 và tiền gửi không kỳ hạn (tiền ký thác, tiền ủy thác) ở ngân hàng.

+ M_2 (chuẩn tệ): gồm M_1 và tiền gửi có kỳ hạn ngắn (tiền gửi ở thị trường tiền tệ, tiền gửi tiết kiệm)

+ M_3 (tiền rộng): gồm M_2 và tiền gửi có kỳ hạn dài (tiền gửi kỳ hạn loại lớn, hợp đồng mua lại dài hạn)

+ L (tổng tín dụng): gồm M_3 và những tài sản có tính thanh khoản thấp hơn (chứng khoán kho bạc ngắn hạn, thương phiếu, trái khoán tiết kiệm, hối phiếu ngân hàng chấp nhận thanh toán)

II/ HỆ THỐNG TÀI CHÍNH:



- *Tài chính trực tiếp*: là con đường dòng vốn đi qua thị trường tài chính.
- *Tài chính gián tiếp*: là con đường dòng vốn đi qua trung gian tài chính.

1. Thị trường tài chính:

a) *Khái niệm*:

Thị trường tài chính là nơi người đi vay và người cho vay gặp nhau, hay là nơi dẫn vốn từ nơi thừa tới nơi thiếu vốn, bằng việc mua bán các loại giấy tờ có giá trị.

b) *Các công cụ của thị trường tài chính và thị trường vốn*:

Thị trường tài chính

Công cụ là các chứng khoán vay nợ ngắn hạn (kỳ hạn < 1 năm)

- 1- *Tín phiếu kho bạc*: là giấy ghi nợ của kho bạc khi huy động vốn.
Chúng không phát dựa trên lãi suất trực tiếp mà dựa trên chiết khấu (giá mua thấp hơn mệnh giá in). Đây là công cụ lỏng nhất và an toàn nhất.
- 2- *Thương phiếu*: là công cụ vay nợ ngắn hạn của các ngân hàng và các công ty.
- 3- *Hối phiếu ngân hàng*: là lệnh chi trả một số tiền nhất định, được ký phát đối với một định chế tài chính tại một thời điểm nhất định, hối phiếu này được ngân hàng chấp nhận và do một công ty phát hành.
- 4- *Kỳ phiếu ngân hàng*: là giấy nhận nợ của ngân hàng huy động vốn bổ sung.

Thị trường vốn

Công cụ là các chứng khoán dài hạn (kỳ hạn > 1 năm)

- 1- *Cổ phiếu*: là giấy chứng nhận quyền sở hữu phần vốn đóng góp vào các công ty cổ đông.
- 2- *Vay thế chấp*: là món tiền cá nhân hoặc công ty vay để mua nhà đất hoặc các công trình, và tài sản này được dùng làm vật thế chấp.
- 3- *Trái phiếu*: là chứng khoán xác định nợ của chủ thể phát hành và quyền được hưởng những khoản lãi suất nhất định theo những thời hạn xác định.

c) *Cấu trúc thị trường tài chính*:

1- Căn cứ vào thời gian sử dụng tài chính huy động được:

- + *Thị trường tiền tệ* (tt ngắn hạn): tt chỉ dùng các công cụ ngắn hạn (thời hạn thanh toán dưới 1 năm)
- + *Thị trường vốn* (tt dài hạn): tt dùng các công cụ nợ dài hạn như cổ phiếu, trái phiếu.

2- Căn cứ vào phương thức huy động nguồn tài chính:

- + *Thị trường trái khoán*: tt chuyển vốn gắn với những khoản nợ; dùng các công cụ vay nợ như trái khoán, món vay thế chấp (hợp đồng lãi suất cố đị nh và trả nợ vào cuối kỳ hạn).
 - + *Thị trường cổ phiếu*: tt chuyển vốn gắn với những khoản nợ có kèm theo quyền sở hữu một phần tài sản và một phần lợi nhuận của công ty (cổ phiếu)
- 3- Căn cứ vào sự luân chuyển các nguồn tài chính:
- + *Thị trường sơ cấp* (tt cấp I): là nơi mua bán chứng khoán mới phát hành (mua bán lần đầu).
 - + *Thị trường thứ cấp* (tt cấp II): là nơi mua bán lại các chứng khoán. Thị trường cấp II gồm sở giao dị ch chứng khoán và thị trường trao tay.

2. Trung gian tài chính:

a) *Khái niệm*

Là các hình thức tổ chức kinh doanh tiền tệ, đứng ra làm trung gian trung chuyển vốn giữa người cho vay và người đi vay.

b) *Các trung gian tài chính (các tổ chức tín dụng)*

- *Các tổ chức nhận tiền gửi*:
 - + Các ngân hàng thương mại
 - + Các tổ chức cho vay và tiết kiệm
 - + Các tổ chức tín dụng
- *Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng*: các công ty bảo hiểm
- *Các trung gian đầu tư*: các công ty tài chính và các quỹ tương trợ.